

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2024/DS-ST
Ngày: 24-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đại Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Trang, ông Phan Trọng Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khưu Huỳnh Mỹ Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 542/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 155b/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH M; địa chỉ trụ sở: lầu 5, khối E, Tòa nhà C, số B C, phường A, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Hà Phương Hồng T, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 2001; Địa chỉ liên hệ: lầu 5, khối E, Tòa nhà C, số B C, phường A, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Võ Thị Ngọc Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ C, xóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bà T1 vắng mặt (có yêu cầu xét xử vắng mặt), bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 18/7/2016, Bà Võ Thị Ngọc Q có ký đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160718-124055-0160 với Công ty T2 vay số tiền 29.000.750 đồng; lãi suất cho vay 45%/năm; thời hạn vay 12 tháng. Khi vay, bà Q có ký hợp đồng thế chấp nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Q đã trả được số tiền 15.625.000 đồng, kể từ ngày 1/3/2017 đến nay bà Q không thực hiện đúng cam kết về việc trả nợ gốc, lãi và các phí phí khác mặc dù đã được nhắc nhở nhiều lần.

Ngày 28/12/2018, khoản nợ của bà Q được Công ty T2 chuyển nhượng cho Công ty TNHH M (sau đây viết tắt là Công ty M) theo hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-CEOO-18-0006. Do đó, Công ty M khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 18.920.821 đồng. Trường hợp bà Q không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Công ty được đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 67E1-228.45, số khung: RLHJF6304FZ375086. Bà Q phải chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn trả các chi phí phát sinh và rút lại yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp tài sản

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng; hợp đồng mua bán nợ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị đơn Bà Võ Thị Ngọc Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đương sự vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nên đảm bảo được quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý. Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng giữa bị đơn với Công ty T2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có lập hợp đồng, phù hợp quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Đối với việc Công ty T2 có thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu đối với khoản nợ của bị đơn sang cho Công ty M là phù hợp quy định pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Quá trình thực hiện hợp đồng vay bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty M, nên Công ty khởi kiện yêu cầu bị đơn trả một lần số tiền vốn gốc là có căn cứ, không yêu cầu trả lãi là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận.

Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn trả các chi phí phát sinh và duy trì hợp đồng thế chấp tài sản là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ một phần yêu cầu của Công ty M.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; các Điều 365, 450, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về quyền khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 18/7/2016, giữa Công ty T2 với Bà Võ Thị Ngọc Q xác lập hợp đồng vay vốn theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160718-124055-0160. Đến ngày 28/12/2018, khoản nợ của bà Q được Công ty T2 chuyển nhượng cho Công ty M theo hợp đồng mua bán nợ. Việc Công ty T2 chuyển giao quyền yêu cầu cho Công ty M không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Q, phù hợp với quy định tại Điều 365, 450 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Công ty M có quyền khởi kiện yêu cầu bà Q về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty M khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay nên đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng vay tài sản”. Bị đơn đang cư trú trên địa bàn thành phố C nên yêu cầu kiện của Công ty thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về phạm vi yêu cầu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có văn bản trình bày rút lại yêu cầu bị đơn trả các chi phí phát sinh và rút lại yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp tài sản nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[5] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng tín dụng: Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng ngày 18/7/2016 giữa Công ty T2 với Bà Võ Thị Ngọc Q được ký kết trên cơ sở tự nguyện hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết.

Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng nêu trên, bà Q được Công ty T2 cho vay số tiền 29.000.750 đồng. Sau khi vay, tính đến ngày 1/3/2017, bà Q đã trả được số tiền 15.625.000 đồng và không tiếp tục thanh toán là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Công ty M đã mua lại khoản nợ nêu trên nên Công ty M khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M, buộc Bà Võ Thị Ngọc Q trả cho Công ty M vốn gốc còn lại là 18.920.821 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 946.000 đồng. Công ty TNHH M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 365, 450, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100 và 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M về việc yêu cầu ông Võ Thị Ngọc Q trả chi phí phát sinh và duy trì hợp đồng thế chấp tài sản.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M.

Buộc Bà Võ Thị Ngọc Q trả cho Công ty TNHH M số tiền 18.920.821 đồng (*mười tám triệu chín trăm hai chục ngàn tám trăm hai mươi một*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Ngọc Q phải chịu 946.000 (*chín trăm bốn mươi sáu nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 619.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0003933 ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Đại Nam